TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy – Ông Lê Viết Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thanh Loan và bà Phạm Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02 /2026/TB-XX ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1979; căn cước công dân số 015179009xxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 17/12/2021; địa chỉ: Tổ dân phố N 08, phường Y, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1969; căn cước công dân số 015069005xxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 02/01/2023; địa chỉ: Tổ dân phố N 08, phường Y, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 2022 tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng mặc dù chị đã nhẫn nhịn nhiều nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Đến năm 2017 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể

hoà hợp được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2026 chị đề nghị Toà án giải quyết giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu H1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị đề ngày 13 tháng 4 năm 2026 chị thay đổi yêu cầu nuôi con, chị đề nghị Toà án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con H và H1. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H1, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

-Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi thường trú tại Tổ dân phố N 08, phường Y, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 cua Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) cấp vào ngày 19 tháng 11 năm 2012 thể hiện việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm với nhau . Vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng anh C vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị T, thể hiện anh C không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ánh T, anh Nguyễn Văn C có hai con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017. Anh C không có ý kiến về việc nuôi con.

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của chị T phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu H, cháu H1 được ở với mẹ (chị T) khi chị T, anh C ly hôn, phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi ly hôn, cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T được chấp nhận, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017, mức cấp dưỡng 2.000.000

đồng/01 tháng, kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không có ý kiến về chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T được chấp nhận nên anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2013 và cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2017 số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Văn C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh C chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000076, ký hiệu BLTU/26E, ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (chị T đã nộp đủ tiền án phí). Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con (anh C chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- UBND P.Yên Bái, tỉnh Lào Cai (GCNKH số 101 ngày 19/11/2012 của UBND P.Nguyễn Thái Học, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến